

VẤN ĐỀ TRANH TỤNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

• Nguyễn Văn Đồng^(*), Hà Thị Khuyên^(**)

Tóm tắt

Hoạt động tranh tụng trong tố tụng hình sự là vấn đề rất được quan tâm trong tiến trình cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay, hoạt động này góp phần cơ bản trong việc làm sáng tỏ vấn đề và giúp cho quá trình xét xử diễn ra một cách khách quan, công bằng, giảm bớt tình trạng oan sai. Bài viết này phân tích, luận giải sâu sắc về cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động tranh tụng trong tố tụng hình sự; đặc biệt, làm rõ nền tảng cơ bản trong hoạt động tranh tụng ở hai góc độ chính: xem xét hoạt động tranh tụng ở góc độ mô hình tố tụng hình sự và xem xét hoạt động tranh tụng ở góc độ các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

Từ khóa: Nguyên tắc tranh tụng, mô hình tranh tụng, tố tụng hình sự.

1. Luận giải về khái niệm tranh tụng

Sự ra đời và phát triển của hoạt động tranh tụng trong tố tụng gắn liền với sự hình thành và phát triển của các tư tưởng dân chủ, tiến bộ trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Tranh tụng không chỉ là thành tựu pháp lý đơn thuần, mà cao hơn nó là thành tựu của sự phát triển tư tưởng, của nền văn minh nhân loại.

Ở Việt Nam, vấn đề tranh tụng đã được đề cập nhiều năm trở lại đây nhưng vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm tranh tụng. Trước đây, về mặt lý luận cũng như thực tiễn, tranh tụng không được thừa nhận và thuật ngữ “tranh tụng” cũng chưa bao giờ được dùng trong các văn bản pháp luật của nước ta. Những năm gần đây, một số tác giả và nhà nghiên cứu lĩnh vực khoa học pháp lý hoạt động trong nghề luật sư, lĩnh vực tòa án và viện kiểm sát đã đề cập vấn đề này ở những mức độ nhất định và với rất nhiều quan điểm khác nhau. Sau khi có Nghị quyết số 08/2002/NQ-TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, Hiến pháp năm 2013 và trong quá trình xây dựng Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, vấn đề tranh tụng mới được đưa ra bàn luận sôi nổi và được quy định cụ thể trong Hiến pháp năm 2013 và các Bộ luật mới ban hành (Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính...).

Trên cơ sở nguyên tắc tranh tụng đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận tại Điều 103, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2013 cũng thể hiện cụ thể tại Điều 26, vấn đề tranh tụng được thừa nhận là một nguyên tắc trong luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên để hiểu đúng nguyên tắc tranh tụng này, áp dụng có hiệu quả trong

thực tiễn, đảm bảo phát huy có hiệu quả của nguyên tắc tranh tụng, đảm bảo dân chủ, công bằng, văn minh, tiến bộ trong tố tụng hình sự thì cần tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này, tiếp tục củng cố các cơ sở pháp lý để vấn đề tranh tụng không chỉ là những quy định có tính chất nguyên tắc mà cần được bảo đảm thực hiện trên thực tế [6, tr. 35]. Việc nghiên cứu các đề tài, công trình khoa học pháp lý về vấn đề tranh tụng cần tiếp tục được triển khai, đẩy mạnh để tạo cơ sở lý luận cho hoạt động lập pháp cũng như hoạt động tố tụng hình sự đạt hiệu quả tốt nhất. Từ nền tảng lý luận và thực tiễn nêu trên, nhóm tác giả đề xuất những quan điểm, những phân tích, luận giải trong bài viết này, nhằm làm sáng tỏ nền tảng cơ bản của hoạt động tranh tụng nhìn nhận ở góc độ mô hình tố tụng hình sự và góc độ các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

Trong Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 02 tháng 01 năm 2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đã đề ra chủ trương “Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...” [1]. Tiếp đó, trong Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02 tháng 06 năm 2005 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã nhấn mạnh vấn đề trọng tâm “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp” [2]. Bởi vậy, trong nội dung cải cách tư pháp, tranh tụng đang là một trong những vấn đề thường xuyên được đề cập đến và cũng còn nhiều luồng ý kiến từ nhiều phía khác nhau; nhất là khi Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành thì vấn đề tranh tụng trong

^(*) Trường Đại học Luật Hà Nội.

^(**) Học viện Tư pháp.

tố tụng hình sự đã thực sự trở thành vấn đề thời sự, không chỉ được tranh luận tại các diễn đàn, hội nghị, hội thảo khoa học và hội nghị về cải cách tư pháp mà còn trở thành một yêu cầu mang tính cấp thiết, trong hoạt động nghiên cứu sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự cũng như trong hoạt động thực tiễn.

Vậy tranh tụng là gì và vấn đề tranh tụng được đề cập trong Nghị quyết 08-NQ/TW, Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị cần được hiểu và nhận thức như thế nào cho đúng. Có nhiều ý kiến cho rằng, cần xác định hoạt động tranh tụng như một nguyên tắc của tố tụng hình sự ở Việt Nam, lại có những ý kiến đề nghị nên chuyển mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam sang mô hình tố tụng tranh tụng. Tuy nhiên, nhiều ý kiến lại chỉ ra rằng, yêu cầu tăng cường tranh tụng được nêu trong Nghị quyết 08-NQ/TW và Nghị quyết 49 -NQ/TW của Bộ Chính trị không nên hiểu là yêu cầu thay đổi hệ thống tố tụng, từ hệ thống tố tụng thẩm vấn sang hệ thống hệ thống tố tụng tranh tụng, mà cần phải được hiểu là yêu cầu cần phải tăng cường khả năng tranh luận một cách dân chủ giữa các chủ thể tiến hành và tham gia hoạt động tố tụng nhằm làm rõ vấn đề và sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật quy định [2].

Có thể nhìn nhận một cách sâu sắc hơn, vấn đề tranh tụng không còn là vấn đề mới, nhưng cho đến nay vẫn tồn tại khá nhiều cách hiểu khác nhau, với nhiều hướng luận giải, biện luận về vấn đề này. Người ta thường hay đề cập đến nguyên tắc tranh tụng, kiểu tố tụng tranh tụng, mô hình tranh tụng, hệ thống tranh tụng... lý giải vấn đề tranh tụng từ nhiều góc độ, chiều cạnh khác nhau. Tuy nhiên, chưa thật sự có nhiều nghiên cứu, nhiều bài viết đưa ra một khái niệm cụ thể tranh tụng là gì và phân tích, luận giải một cách tường tận. Trong một số tài liệu được viết giai đoạn trước, các tác giả thường đề cập đến hệ thống tranh tụng. Theo từ gốc tranh tụng được biện giải có nghĩa là đối kháng, đương đầu. Vậy nên, về bản chất hoạt động tranh tụng chính là “cuộc đối đầu” giữa hai bên trong đó tố tụng hình sự (bên buộc tội và bên bị buộc tội) mà giai đoạn đương đầu tại tòa án (tại phiên tòa) là trung tâm. Song, cũng không nên hiểu một cách đơn thuần tranh tụng là tranh luận, tranh cãi giữa hai bên diễn ra tại phiên tòa, mà cần hiểu hoạt động tranh tụng trải qua trong cả một quá trình tố tụng lâu dài, được cả hai bên tiến

hành một cách quyết liệt để đưa ra các lập luận và chứng minh những luận điểm, nhằm “cạnh tranh” hoặc “chống” lại nhau. Hiểu theo đúng nghĩa, hoạt động tranh tụng là việc bên buộc tội (công tố) cố gắng thuyết phục các thành viên Hội đồng xét xử tin rằng bị cáo là người có tội, còn bên bị buộc tội ngược lại, cố gắng và phải sử dụng mọi biện pháp, đưa ra các lý lẽ, các lập luận, những căn cứ để biện bạch, phân tích và bác bỏ những lời buộc tội do bên công tố đưa ra; điều đáng lưu ý là trong hệ thống tố tụng tranh tụng gốc, luật sư đại diện cho bị cáo có thể bắt chấp thủ đoạn để bảo vệ thân chủ bằng mọi giá, thì phiên tòa tranh tụng đó thật sự là một cuộc chiến gay gắt, theo đúng nghĩa của nó khi mà kết cục phiên tòa, chỉ có một bên giành được phần thắng [4, tr. 10].

Có thể hiểu hoạt động tranh tụng thuộc hệ thống pháp luật tố tụng, trong đó tòa án không tham gia tích cực vào việc tìm kiếm sự thật của vụ án, mà chỉ giữ vai trò ở vị trí trung gian, trọng tài cho “cuộc đối đầu” giữa bên buộc tội (cơ quan điều tra và cơ quan công tố) và bên bị buộc tội (luật sư bào chữa và thân chủ của họ) trên hành trình đi tìm công lý. Tranh tụng được hiểu là các hoạt động được thực hiện bởi các chủ thể tham gia tố tụng (bên buộc tội và bên bị buộc tội), các bên có quyền bình đẳng với nhau trong việc thu nhập thông tin và đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quan điểm, lợi ích của mình và phản bác lại các quan điểm, lợi ích của phía đối lập [4, tr. 11]. Tranh tụng tại phiên tòa là những hoạt động tố tụng được tiến hành tại phiên tòa xét xử bởi hai bên tham gia tố tụng, nhằm bảo vệ luận điểm, ý kiến của mỗi bên và bác bỏ luận điểm, ý kiến của phía bên kia, dưới sự điều khiển, quyết định của tòa án với vai trò trung gian, trọng tài phân xử.

Tại một số quốc gia, tố tụng tranh tụng thường được sử dụng theo truyền thống án lệ như Mỹ, Anh, Úc...; mặc dù được sử dụng ở nhiều quốc gia, nhưng không phải ở quốc gia nào tố tụng tranh tụng cũng giống nhau. Tuy có sự khác biệt trong tố tụng tranh tụng giữa các quốc gia, nhưng quy trình và trình tự tố tụng tranh tụng theo ý kiến chung của giới nghiên cứu khoa học pháp lý, có thể khái quát như sau:

Một là, khi phát hiện có vi phạm pháp luật hình sự, nếu đó là phạm vi nhỏ, những tội ít nghiêm trọng thì phía cảnh sát có thể trực tiếp truy tố bị cáo ra tòa (chỉ xét xử với một thẩm phán).

Hai là, nếu là tội nghiêm trọng mà bị cáo nhận tội, vụ án sẽ được chuyển cho cơ quan công tố để truy tố ra tòa án xét xử theo thủ tục rút gọn, sẽ không có bồi thẩm đoàn tham dự; trường hợp bị cáo không nhận tội và đề nghị được xét xử bằng thủ tục có bồi thẩm đoàn thì vụ án sẽ được cơ quan công tố truy tố ra tòa xét xử với một bồi thẩm phán và bồi thẩm đoàn. Trong quá trình xét xử, các bên buộc tội và bị buộc tội tự xét hỏi, đưa ra chứng cứ, người làm chứng đối chất nhau để bảo vệ ý kiến và quan điểm của mình.

Ba là, bồi thẩm phán có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động tố tụng hướng dẫn cho bồi thẩm đoàn những quy tắc tố tụng. Việc quyết định bị cáo có tội hay không có tội hoàn toàn thuộc quyền hạn của bồi thẩm đoàn; nếu bị cáo bị tuyên là có tội thì lúc đó chỉ có bồi thẩm phán là người tiếp tục vụ án với vai trò là người quyết định hình phạt và lượng hình; nếu bị cáo được tuyên là vô tội, vụ án sẽ được chấm dứt ngay và cơ quan công tố không được quyền kháng nghị phúc thẩm vì nguyên tắc không cho phép xét xử hai lần đối với một bị cáo về cùng một tội. Việc phúc thẩm chỉ đặt ra đối với cả hai bên khi bị cáo bị tuyên là có tội liên quan đến việc định tội hay lượng hình.

Như vậy, từ việc tìm hiểu hệ thống tố tụng hay tranh tụng, có thể tổng kết về khái niệm chế định tranh tụng trong tố tụng hình sự như sau: “Chế định tranh tụng trong tố tụng hình sự là tổng hợp các quy phạm pháp luật ghi nhận các nguyên tắc tranh tụng, trình tự thủ tục thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, xác định trách nhiệm của các chủ thể tranh tụng và các chế tài xử lý vi phạm thể hiện bản chất dân chủ và nhân đạo của tố tụng hình sự, chi phối và định hướng mọi hoạt động và hành vi tố tụng của các chủ thể nhằm hướng tới mục tiêu đảm bảo cho quá trình xét xử công bằng, minh bạch và công khai, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên được pháp luật công nhận và bảo vệ đồng thời xác định trách nhiệm của các bên tham gia tố tụng phải triệt để tuân thủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong quá trình tham gia tố tụng” [5, tr. 26].

2. Tranh tụng - xét dưới góc độ là một nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự

Theo quan niệm chung, nguyên tắc của tố tụng hình sự là những tư tưởng chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự hoặc đối với một loại hoạt động nhất định là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ các chế định pháp luật, các quy

phạm pháp luật cụ thể về tổ tụng hình sự; hoặc đó là những phương châm, định hướng chi phối toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự và được các văn bản pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận. Đặc biệt, nguyên tắc tranh tụng thể hiện tính dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, bình đẳng trong tố tụng hình sự, nhất là trong các phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

Tranh tụng tạo điều kiện tối đa cho các bên tham gia tố tụng sử dụng các phương pháp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên tắc tranh tụng đề cao vai trò của luật sư, của cá nhân và đề cao các quyền cơ bản của con người; bồi thẩm phán chỉ đóng vai trò là trọng tài khách quan và công minh, ra phán quyết trên cơ sở chứng cứ mà các bên đưa ra chứng minh tại tòa. Nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi việc chứng minh phải được thực hiện công khai ngay tại tòa, dưới sự giám sát của bồi thẩm đoàn và bồi thẩm phán. Bởi vậy, mục đích của các bên trong tranh tụng là phải tự chứng minh được lý lẽ phải thuộc về mình, nếu không họ sẽ là người thua cuộc. Có thể khẳng định, vai trò của tranh tụng được thể hiện thông qua 3 quy tắc cơ bản định hình cho mọi thủ tục thực hiện tranh tụng; gồm các quy tắc sau: quy tắc về thủ tục, quy tắc về chứng cứ và quy tắc điều chỉnh về đạo đức ứng xử của luật sư. Cụ thể: quy tắc về thủ tục bao gồm một loạt các quy định giúp các bên chuẩn bị chứng cứ trước khi bước vào xét xử chính thức là một thủ tục tư pháp hành chính để tòa án xem xét các chứng cứ đã đủ cho việc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm chính thức hay chưa, quy tắc này cũng nhằm mục đích tránh những thủ tục điều tra có thể diễn ra không cần thiết tại phiên tòa; Quy tắc về chứng cứ nhằm ngăn chặn việc sử dụng những chứng cứ không đáng tin cậy có thể làm cho tòa án đưa ra phán quyết trên cơ sở những thông tin sai lệch, quy tắc về chứng cứ cũng nghiêm cấm sử dụng chứng cứ có thể gây ra những định kiến không công bằng cho các bên tham gia tố tụng [8, tr. 19].

Với những quy định trong quy tắc về chứng cứ, nguyên tắc tranh tụng đảm bảo sự trung lập và thụ động của tòa án trong quá trình xét xử, quy tắc về chứng cứ cũng tạo điều kiện để luật sư của các bên và công tố viên, buộc họ phải biết được những chứng cứ nào có thể được chấp nhận tại phiên tòa trong khi xét xử, đây là cơ sở để xác định thẩm quyền của bồi thẩm phán chủ tọa phải điều hành phiên tòa theo các diễn biến của nó theo đúng thủ tục. Khác với hệ thống tố tụng thẩm vấn, bồi thẩm phán chủ tọa phiên tòa

không có quyền chọn chứng cứ mà họ cho là thích hợp nhất mà phải tuân thủ các quy tắc về chứng cứ đã được xác định trước.

Bên cạnh đó, do tính chất cạnh tranh, đối đầu trong hoạt động tranh tụng tố tụng đã dẫn tới tình trạng buộc các bên đặt mục tiêu phải thắng trong cuộc đối đầu tại phiên tòa kể cả bằng bất cứ giá nào, nên nguyên tắc tranh tụng còn đặt ra một loạt các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp để kiểm soát đội ngũ luật sư của các bên. Quy tắc về đạo đức hành nghề luật sư còn đòi hỏi luật sư phải trung thành với quyền lợi của thân chủ như chính quyền lợi của mình; những thủ đoạn hay hành vi che giấu, làm sai lệch thông tin có thể làm cho tòa án định kiến, thì đều bị pháp luật ngăn cấm và loại trừ.

Với vai trò tranh tụng thông qua 3 quy tắc trên có thể thấy rằng, trong giai đoạn xét xử, nguyên tắc tranh tụng đảm bảo việc không trao cho ai quyền độc tôn trong xét xử, không một bên tham gia nào có thể chiếm ưu thế hơn bên kia, kể cả thẩm phán chủ tọa, quyền lực được phân chia giữa thẩm phán, công tố viên và luật sư bào chữa. Trong đó, công tố viên là người đại diện cho nhà nước buộc tội người bị tình nghi trước tòa; luật sư bào chữa là người biện hộ thay cho người bị tình nghi phạm tội trước lời buộc tội của công tố viên, luật sư có quyền phản bác lại chứng cứ buộc tội do công tố viên đưa ra, đây chính là yếu tố rất quan trọng đảm bảo cho người bị tình nghi có đủ cơ sở điều kiện pháp lý bảo vệ bản thân trong quá trình xét xử. Song, các chứng do bên gỡ tội đưa ra cũng có thể bị bên công tố phản bác lại trên cơ sở lập luận của họ, đó chính là thủ tục kiểm tra chéo chứng cứ đã nêu trên.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng vấn đề kiểm tra chéo chứng cứ và cân bằng vị trí (giữa bên công tố viên và luật sư bào chữa không ai có lợi thế hơn ai về thẩm quyền trong quá trình xét xử) là một đặc điểm cơ bản, làm nổi bật vai trò của tranh tụng so với hệ thống tố tụng thẩm vấn, nơi mà hầu hết quyền lực đều tập trung vào thẩm phán trong giai đoạn xét xử. Vai trò của tranh tụng coi trọng việc xét xử một con người bị tình nghi phạm tội bị phán xét như thế nào tại phiên tòa hơn là việc xác định họ đã làm gì trên thực tế, xét xử tội trạng của họ thiên về khía cạnh pháp lý hơn, trong khi đó, hệ thống tố tụng thẩm vấn coi phiên tòa sơ thẩm là giai đoạn điều tra công khai tại phiên tòa, bởi ở đó thẩm phán không những là người điều khiển phiên tòa mà còn

là người thẩm vấn chính, có nhiệm vụ thẩm tra lại tất cả các chứng cứ do các bên thu thập được trong giai đoạn điều tra trước đó.

3. Tranh tụng - xét dưới góc độ mô hình tố tụng hình sự

Mô hình tố tụng hình sự tranh tụng được áp dụng phổ biến ở những quốc gia có quy định về án lệ. Mô hình tố tụng này ra đời đầu tiên ở nước Anh, sau đó được phổ biến ở các nước vốn là thuộc địa của Anh. Mô hình này thừa nhận hoạt động tố tụng hình sự là quá trình giải quyết tranh chấp pháp lý giữa một bên là đại diện nhà nước và một bên là công dân bị cáo buộc thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trước tòa án - cơ quan đóng vai trò là trọng tài vô tư, công minh, khách quan; đoàn bồi thẩm - đại diện cho dân chúng cũng tham gia vào việc xét xử. Trong “cuộc đối đầu” về pháp lý này, hai bên tranh chấp đều có những khả năng pháp lý như nhau để bảo vệ quyền, lợi ích của mình [4, tr. 16]. Hoạt động tranh tụng giữa hai bên bắt đầu ngay từ giai đoạn trước xét xử; phía tòa án đánh giá chứng cứ theo nguyên tắc tự do, theo niềm tin nội tâm của mình. Mô hình tố tụng tranh tụng có những đặc trưng chủ yếu sau:

Một là, việc điều tra tại phiên tòa là điều tra chính thức và chủ yếu; tố tụng tranh tụng là hệ thống tố tụng mà tòa án là cơ quan xét xử và tiến hành tố tụng chính, hoạt động xét xử của tòa án là biểu hiện tập trung nhất của hệ thống tố tụng. Các hoạt động khác như hoạt động điều tra của phía cảnh sát, hoạt động truy tố của phía công tố viên chỉ là những hoạt động mang tính hành chính - tư pháp không được điều chỉnh bởi pháp luật tố tụng, với ý nghĩa đầy đủ nhất theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; chỉ có tòa án mới là chủ thể tiến hành tố tụng với ý nghĩa đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Vì vậy, hoạt động điều tra của phía luật sư và của phía cảnh sát có thể được tiến hành theo nhiều cách, nhiều hình thức khác nhau, với những phương pháp thu nhập chứng cứ khác nhau, nhưng đều phải được kiểm chứng tại phiên tòa và thông qua sự xem xét đánh giá của hội đồng xét xử thì mới được công nhận về mặt pháp lý và được phục vụ cho vụ án, khi đó chứng cứ do các bên cung cấp mới có ý nghĩa đối với phán quyết của phía tòa án. Chính vì vậy, việc điều tra tại phiên tòa là chủ yếu, thông qua việc xem xét đánh giá chứng cứ do các bên đưa ra nên phiên tòa theo thủ tục tố tụng tranh tụng thường rất dài và triệu tập nhiều nhân chứng.

Hai là, trong tố tụng tranh tụng hình thành hai bên với những lợi ích đối kháng rõ rệt, đó là bên buộc tội và bên bị buộc tội; trong tố tụng tranh tụng, cơ quan công tố và luật sư hoàn toàn bình đẳng nhau họ được pháp luật trao những quyền tương ứng với chức năng để có thể điều tra độc lập và thu thập chứng cứ phục vụ cho công việc của mình. Cơ quan công tố dưới danh nghĩa là người đại diện cho quyền lợi của nhà nước đưa ra các quan điểm, các lập luận, các chứng cứ để buộc tội bị cáo; còn bên bị buộc tội là bị cáo và những luật sư của họ sẽ dùng mọi lý lẽ, dùng mọi phương tiện được luật pháp cho phép để phản bác lại. Cả hai bên sẽ trực tiếp, liên tục chất vấn và trả lời chất vấn nhau công khai tại phiên tòa để làm rõ những vấn đề đưa ra. Khác với tố tụng xét hỏi, tố tụng tranh tụng đặc biệt coi trọng nguyên tắc bằng miệng, công khai, tất cả các tình tiết, các chứng cứ mà phía tòa án áp dụng... để ra được bản án cuối cùng các bên đều phải thực hiện hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Với khoa học phát triển như hiện nay, các thủ tục tố tụng tại phiên tòa đều phải được ghi âm, ghi hình, việc xét xử công khai trực tiếp có thể tiến hành qua điện thoại, hội nghị và các cầu truyền hình trực tiếp; phía tòa án tiến hành xét xử một vụ án ở một nơi có thể nghe lời khai trực tiếp của một người làm chứng nơi khác.

Ba là, thẩm phán giữ vai trò là trọng tài vô tư, công minh, khách quan; do thủ tục tranh tụng không phân chia thành giai đoạn điều tra nên các chứng cứ đều do các bên trực tiếp đưa ra trong quá trình tranh tụng giữa công tố viên và bị cáo, luật sư. Tại các nước theo thủ tục này, thẩm phán không có trách nhiệm làm rõ bị cáo phạm tội hay không phạm tội. Đây cũng là điểm khác so với tố tụng xét hỏi, theo đó trước khi mở phiên tòa các chứng cứ đã được điều tra, thu thập đầy đủ và thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, thẩm phán chỉ kiểm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của các chứng cứ này; vai trò của thẩm phán trong tố tụng xét hỏi không phải là một bên trung lập mà là người có vai trò chính trong việc làm sáng tỏ nội dung vụ án tại phiên tòa, thẩm phán có thể trực tiếp chất vấn nếu như lời khai của bị cáo còn có nhiều mâu thuẫn chưa rõ hay bị cáo quanh co chối tội.

Trong tố tụng xét hỏi, mọi hành vi của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chịu sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, các bên muốn đặt câu hỏi cho bên kia hoặc những

người tham gia tố tụng khác đều phải thông qua chủ tọa của phiên tòa. Trong khi đó tại phiên tòa theo hình thức tố tụng tranh tụng, thì mỗi bên đều có quyền đặt câu hỏi trực tiếp cho bên kia cũng như cho những người tham gia tố tụng khác; trong nhiều trường hợp họ có quyền ngắt lời bên kia, phản đối lại các ý kiến mà bên kia vừa đưa ra. Trong hệ tranh tụng chú trọng vào hoạt động đối tụng giữa các bên trong giai đoạn xét xử với các quy tắc nghiêm ngặt về chứng cứ để đảm bảo rằng bị cáo được xét xử một cách công bằng, đúng quy trình tránh oan sai. Nếu như ở hệ tố tụng tranh tụng, vai trò của tòa án là thụ động, quá trình thẩm vấn của thẩm phán ngay tại phiên tòa cũng chỉ mang tính chất gián tiếp thì tố tụng xét hỏi luôn đề cao vai trò chủ động của thẩm phán trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Trong hệ tố tụng tranh tụng không có sự tố tụng xét hỏi nên chứng cứ trong tố tụng tranh tụng phải tuân theo quy tắc chứng cứ, ngay cả thẩm phán cũng không được tự do lựa chọn chứng cứ mà họ thấy thích hợp nhất [7, tr. 22].

Viện công tố ở những nước theo thủ tục tố tụng tranh tụng có quyền hạn không lớn bằng những nước theo thủ tục tố tụng xét hỏi, nên quá trình giải quyết vụ án nghĩa vụ của các bên đặt ra ngang nhau; phiên tòa trong tố tụng tranh tụng là một cuộc đối đầu giữa hai bên buộc tội và bên gỡ tội; thẩm phán và bồi thẩm đoàn chỉ là trọng tài, nhưng phiên tòa trong tố tụng xét hỏi nhiều khi rơi vào tình trạng diễn lại những gì đã thực hiện trước đó, trên cơ sở đó hội đồng xét xử khẳng định lại các tình tiết, các chứng cứ để đưa ra bản án. Tại các nước theo thủ tục tranh tụng gọi phiên tòa của tố tụng xét hỏi là các phiên họp; thì vai trò của luật sư và những người tham gia tố tụng khác đều bị chi phối thông qua vai trò của thẩm phán; thẩm phán trực tiếp xét hỏi và phát triển sự kiện theo cách của mình còn các bên chủ yếu chỉ tranh luận để giải thích những gì liên quan đến chứng cứ vụ án.

Bốn là, tố tụng tranh tụng có 3 hệ quy tắc chi phối toàn bộ các hoạt động tố tụng, đó là quy tắc tố tụng, quy tắc chứng cứ và quy tắc về ứng xử của luật sư; trong 3 hệ quy tắc này, quy tắc về chứng cứ có ảnh hưởng lớn nhất vì nó kiểm soát loại chứng cứ nào có thể được đưa ra trước những người có thẩm quyền quyết định, hay nói cách khác, nó quyết định chứng cứ có được chấp thuận hay không, ngay cả thẩm phán cũng không được tự do lựa chọn chứng

cứ mà họ thấy thích hợp nhất mà phải tuân theo các quy tắc chứng cứ đã được quy định. Quy tắc chứng cứ được đặt ra nhằm đảm bảo sự công bằng trong tranh tụng qua việc cấm sử dụng những nguồn chứng cứ không đáng tin cậy, sai lệch hoặc có thể dẫn đến định kiến cho những người có thẩm quyền ra phán quyết. Nếu coi tố tụng tranh tụng là một cuộc đối đầu giữa hai bên có tranh chấp, thì nó đòi hỏi các bên tham gia tố tụng, nhất là cơ quan cảnh sát và công tố phải triệt để tuân thủ các quy tắc đã được luật định và trao thẩm quyền cho tòa án là cơ quan phải đảm bảo yêu cầu đó trong quá trình xét xử. Tố tụng tranh tụng được thể hiện trực tiếp bằng lời nói, nên nhiều tài liệu trong tố tụng xét hỏi được xem là những chứng cứ quan trọng của vụ án thì trong tố tụng tranh tụng lại không được công nhận là chứng cứ. Tuy nhiên, để làm rõ các tài liệu liên quan đến vụ án, chủ nhân của nó sẽ được mời tham gia tố tụng và trực tiếp trình bày trước tòa.

Năm là, trong tố tụng tranh tụng thường có sự tham gia của bồi thẩm đoàn; do vai trò của thẩm phán trong tố tụng tranh tụng với vai trò “trọng tài” nên thông thường phải có bồi thẩm đoàn tham gia tố tụng; bồi thẩm đoàn không tham gia vào quá trình tranh tụng nhưng họ có quyền biểu quyết bị cáo có tội hay không có tội, trên cơ sở đó, thẩm phán sẽ quyết định về vụ án (đây là điểm khác biệt so với tố tụng thẩm vấn, trong tố tụng thẩm vấn hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa và quyết định cả về việc bị cáo có tội hay không có tội, quyết định cả về lượng hình đối với bị cáo; ở thủ tục tố tụng thẩm vấn, thì thẩm phán chủ tọa phiên tòa có địa vị pháp lý ngang với hội thẩm nhân dân).

Sáu là, trong tố tụng tranh tụng, tồn tại yếu tố thú tội và thỏa thuận thú tội; trong nhiều vụ án, cơ quan cảnh sát và công tố không thể tìm ra đủ chứng cứ để có thể dành phần thắng tại phiên tòa khi họ muốn truy tố một bị cáo, nên pháp luật có những quy định khuyến khích bị cáo nhận tội hoặc cho phép cảnh sát và cơ quan công tố thỏa thuận để bị cáo nhận tội khai báo hay cung cấp thông tin về bị cáo khác. Quy đổi lại, bị cáo có thể được miễn truy tố về một hoặc một số tội hay được hưởng khoan hồng giảm hình phạt sau này khi tòa án tuyên lượng hình phạt (ví dụ cụ thể: nếu bị cáo nhận tội trong giai đoạn đầu, mức giảm là một phần ba mức hình phạt thông thường). Việc thỏa thuận thú tội được diễn ra giữa cơ quan cảnh sát, viện công tố và bị cáo

cùng luật sư của họ; thông thường cảnh sát và cơ quan công tố thông báo cho bị cáo biết đã có những bằng chứng gì về hành vi phạm tội của họ, trên cơ sở đó bị cáo sẽ tham gia ý kiến luật sư và cân nhắc có nhận tội hay tiếp tục không khai báo hoặc chỉ khai báo trong phạm vi nhất định để sau này tòa sẽ báo lại việc buộc tội.

Tòa án không tham gia vào thủ tục này vì tòa án chỉ có thẩm quyền xét xử những vụ án và bị cáo do cơ quan cảnh sát hay cơ quan công tố đưa ra truy tố, cơ chế này tác động đến trình tự tố tụng vì khi bị cáo nhận tội dù ở bất cứ giai đoạn tố tụng nào toàn bộ thủ tục đối với bị cáo sẽ được thay đổi theo hướng không còn tranh tụng nữa và lúc đó chỉ còn trách nhiệm của thẩm phán phải thẩm tra lại toàn bộ hồ sơ vụ án và đưa ra hình phạt thích hợp nhất. Tòa án không có trách nhiệm đối với việc cơ quan công tố bỏ lọt người hay bỏ lọt tội, không truy tố một tội phạm mà chỉ xét xử những tội phạm do cơ quan công tố truy tố ra tòa; tất nhiên, với vai trò không những là cơ quan áp dụng pháp luật và thực thi pháp luật mà còn là cơ quan bảo vệ công lý, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân chống lại những lạm dụng quyền lực bất công, đảm bảo niềm tin công chúng vào công bằng và bình đẳng tòa án sẽ có trách nhiệm đối với việc đưa ra các bản án một cách đúng đắn chứ không chỉ đơn thuần dựa vào tài liệu trong hồ sơ hay các vụ án không xét xử bằng bồi thẩm đoàn; rõ ràng là ở những trường hợp đó, trách nhiệm của phía tòa án trong thủ tục tố tụng tranh tụng không nặng nề bằng tòa án các nước theo thủ tục tố tụng xét hỏi với tư cách là khâu phán quyết thẩm tra cuối cùng của giai đoạn điều tra tố tụng, tòa án ở những nước này có quyền khởi tố ngay tại phiên tòa, có quyền xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố như tại Việt Nam.

Bảy là, trong tố tụng tranh tụng đòi hỏi áp dụng phương pháp điều chỉnh pháp luật là phương pháp trọng tài dựa trên tự do và độc lập ý chí của các chủ thể tham gia hoạt động tố tụng; phương pháp điều chỉnh này dựa trên yếu tố tự định đoạt và mệnh lệnh: thừa nhận quyền tự định đoạt của các bên và quyết định có tính bắt buộc thi hành của tòa án, bản thân các bên không thể tự mình tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến bên tranh tụng kia. Phía tòa án chỉ giải quyết vụ án trên cơ sở yêu cầu của các bên

chứ không tự ý giải quyết những yêu cầu ngoài của các bên; tòa án không thể thực hiện bất kỳ hành vi nào thuộc chức năng buộc tội hay chức năng bào chữa, mà tòa án tiến hành hoạt động của mình dựa trên cơ sở có sự buộc tội của bên buộc tội đưa ra và chỉ giới hạn hoạt động trong phạm vi buộc tội; điều này dẫn đến hệ quả: sự tranh tụng của các bên xung quanh sự buộc tội chính là động lực làm cho hoạt động tố tụng hình sự tiến triển, vận động lên phía trước. Không có buộc tội - không có tố tụng, đây là một trong những quy tắc quan trọng của tranh tụng trên cơ sở thừa nhận vai trò độc lập của tòa án.

4. Kết luận

Tranh tụng là hình thức tố tụng trong giải quyết các vụ án, phạm vi và nội dung tranh tụng có khác nhau trong các hệ thống pháp luật và các loại án, thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa và tòa án ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa là đảm bảo quan trọng cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án, giải quyết vụ án đúng đắn, khách quan

Nội dung tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện cả trong giai đoạn bắt đầu, trong xét hỏi và trong tranh luận. Tùy theo địa vị tố tụng mà người tham gia tố tụng thực hiện nội dung tranh luận khác nhau.

Nhằm thực hiện hoạt động tranh tụng, cần thiết phải có một hệ thống đảm bảo về mặt pháp lý, về mặt tổ chức phù hợp, có tính khả thi trong điều kiện kinh tế, xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Các quy định tranh tụng, cần đảm bảo sự bình đẳng của các bên tham gia tố tụng trước tòa án là các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

Mở rộng phạm vi tham gia tố tụng của người bào chữa cho bị can, bị cáo, người bảo vệ quyền lợi của đương sự để họ có thể thay mặt bị can, bị cáo, đương sự thật sự thực hiện việc tranh tụng trong tố tụng hình sự. Việc mở rộng phạm vi tham gia tố tụng của người bào chữa không đơn thuần là vấn đề người bào chữa tham gia tố tụng vào thời điểm nào như bấy lâu nay vẫn được tranh luận trong khoa học mà quan trọng là người bào chữa có địa vị pháp lý như thế nào để có thể bình đẳng trong tranh tụng với bên buộc tội./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ chính trị (2002), *Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002, Hà Nội.
- [2]. Bộ Chính trị (2005), *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005. Hà Nội.
- [3]. Lê Cẩm (2003), “Nguyên tắc tranh tụng trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, (Số 06), tr. 3-8.
- [4]. Hoàng Thị Mai Chi (2015), *Bàn về tranh tụng trong tố tụng hình sự*, Viện Khoa học Kiểm sát, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Ngọc Chí (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6]. Đặng Văn Cường (2016), “Nghiên cứu khoa học luật hình sự: Thực tiễn và vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (Số 137), tr. 34-39.
- [7]. Trần Văn Độ (2004), “Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, (Số 04), tr. 16-22.
- [8]. Đinh Văn Quế (2003), *Thủ tục xét xử các vụ án hình sự*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

ISSUES IN CRIMINAL PROCEEDINGS

Summary

Litigation in criminal proceedings is of great concern to the judicial reforms in Vietnam at present. This activity contributes essentially to clarify relevant issues and make the judicial process objective, fair, reducing false convictions. This paper analyzes profound theoretical and practical framework of litigation in criminal proceedings; in particular, it clarifies the issues from two main angles of the litigation model and basic criminal proceeding principles.

Keywords: The principle of litigation, litigation model, criminal proceedings.

Ngày nhận bài: 01/3/2017; Ngày nhận lại: 08/9/2017; Ngày duyệt đăng: 26/4/2018.